TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08-3-2018

V/v "Ly hôn giữa chị L và anh P"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Bà Phan Thị Lan

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thùy Vân – Thư ký Toà án nhân dân quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận S, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 611/2017/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2017 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXX-ST ngày 18 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2018/QĐST-HPT ngày 08/02/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: 51A/1 đường M, phường N, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 46/27 đường M, phường N, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Trần Quang P, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: 51A/1 đường M, phường N, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn nộp ngày 05/6/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày: Chị và anh Trần Quang P tự nguyện chung sống với nhau năm 1998, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND

phường N, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01/98 cấp ngày 16/7/1998), có 02 con chung tên: Trần Quang T, sinh ngày 27/7/1999 (đã thành niên) và Trần Quang S, sinh ngày 27/01/2010.

Sau khi cưới, chị L và anh P sống tại nhà gia đình chồng. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2003 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do hai bên không không hòa hợp tính tình, anh P không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên đi uống rượu nên vợ chồng xảy ra gây cãi. Chị L đã nhiều lần khuyên nhủ, tạo điều kiện để anh P thay đổi tính tình nhưng không có kết quả, tình cảm ngày càng lạnh nhạt, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đến cuối năm 2014 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt nên vợ chồng đã tự ly thân cho đến nay. Đến đầu năm 2016, chị L dọn về nhà cha mẹ ruột ở. Nay, chị Lê Thị L xác định không còn tình cảm, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Trần Quang P.

Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Trần Quang P có 02 con chung tên: Trần Quang T, sinh ngày 27/7/1999 (đã thành niên) và Trần Quang S, sinh ngày 27/01/2010. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Quang S, sinh ngày 27/01/2010 cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn anh Trần Quang P đã được Tòa án triệu tập đến Tòa để trình bày ý kiến về việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị L vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Bị đơn anh Trần Quang P vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đảm bảo đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị Lê Thị L và anh Trần Quang P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân quận S, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị L được ly hôn với anh Trần Quang P. Về con chung: Giao con chung tên Trần Quang S, sinh ngày 27/01/2010 cho chị Lê Thị L nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị L thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị L đối với bị đơn anh Trần Quang P có nơi cư trú tại quận S nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Tòa án nhân dân quận S, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Trần Quang P phát sinh từ năm 1998, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp.

[4]. Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Theo nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh gay gắt từ cuối năm 2014 do không hòa hợp nhau về mọi mặt, anh P không có trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng thường xảy ra gây cãi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân cho đến nay. Chị L đã nhiều lần có nguyện vọng ly hôn anh P nhưng chưa nộp đơn đến Tòa án để tạo cơ hội cho anh sửa đổi tính tính nhưng không có kết quả. Nay chị Lê Thị L xác định không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Trần Quang P.

Phía bị đơn anh Trần Quang P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình..." nhưng qua lời trình bày của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị L, anh P đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hòa hợp nhau về mọi mặt, vợ chồng không có sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cùng vun đắp cho cuộc sống gia đình. Từ cuối năm 2014 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt và đã ly thân cho đến nay. Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng chị L, anh P hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ nhưng phía bị đơn anh Trần Quang P vắng mặt không lý do, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị Lê Thị L và anh Trần Quang P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

[5]. Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Trần Quang P có 02 con chung tên: Trần Quang T, sinh ngày 27/7/1999 (đã thành niên) và Trần Quang S, sinh ngày 27/01/2010. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Quang S, sinh ngày 27/01/2010 cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay, chị Lê Thị L có việc làm và thu nhập ổn định, cháu Trần Quang S có nguyện vọng được sống cùng mẹ thể hiện tại biên bản ghi nhận nguyện vọng ngày 28/12/2017. Vì lợi ích

về mọi mặt của trẻ, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Trần Quang S, sinh ngày 27/01/2010 cho chị L nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị L xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị L và anh Trần Quang P được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, 14, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh Trần Quang P. Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01/98 ngày 16/7/1998 do Ủy ban nhân dân phường N, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Cháu Trần Quang T, sinh ngày 27/7/1999 đã thành niên; Giao cháu Trần Quang S, sinh ngày 27/01/2010 cho chị Lê Thị L nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Chị Lê Thị L không yêu cầu anh Trần Quang P cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Quang P có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Lê Thị L.

Anh Trần Quang P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh Trần Quang P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Lê Thị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Trần Quang P.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị L nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được tính vào số tiền tạm nộp án phí đã nộp theo biên lai thu số 0028078 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Chị Lê Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Quang P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND quận S;
- CCTHADS quận S;
- UBND phường N, quận S;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Trúc